

CÔNG VĂN BẢN

Số: 3437/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3437/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

SAO GỬI	CT	TG	ĐƠN VỊ
GD			
PGD LONG			
PGD TUÂN			
VP			
TH			
TTRA			
CNDV			
QLPTDN			
NNNT			
VHXH			
TĐ-GSĐT			
KTDN			
ĐKKD			
TTTTVT			

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 64/TT-KHĐT ngày 64/12/2016 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác thủy lợi để đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới của huyện Vĩnh Bảo.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ công ích trên cơ sở hoàn thành tốt kế hoạch tưới tiêu hàng năm đã được ký kết với các đơn vị dùng nước, cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

- Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, quản lý vận hành công trình an toàn, chống xuống cấp công trình, tham gia tích cực có trách nhiệm vào công tác phòng chống lụt bão, chống úng hạn và xâm nhập mặn của huyện Vĩnh Bảo, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm hành lang, chỉ giới, phạm vi bảo vệ công trình, chống xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các hành vi xâm hại công trình.

- Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, nhất là cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, có giải pháp để thu đủ tiền cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni tại các xã.

- Sắp xếp hợp lý lao động, tiến tới khoán công trình, khoán việc để nâng cao trách nhiệm của người lao động, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu tăng lương tối thiểu của Nhà nước.

- Phân đầu tăng doanh thu hàng năm, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường bảo dưỡng công trình để giảm chi phí sửa chữa thường xuyên và kéo dài thời gian đưa công trình vào sửa chữa lớn.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH thực hiện của kỳ kế hoạch 5 năm (2016-2020)
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:							
	- Diện tích tưới tiêu	Ha	26.644	27.470	27.400	27.300	27.200	136.014
	- Cấp nước thô	Triệu m ³	1,44	1,44	1,5	14,7	15,1	34,18

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH thực hiện của kỳ kế hoạch 5 năm (2016-2020)
2	Doanh thu	Triệu đồng	34.069	32.513	32.567	44.460	44.834	188.443
	- Dịch vụ công ích	Triệu đồng	32.643	31.091	31.091	31.100	31.100	157.025
	- Cấp nước thô	Triệu đồng	1.296	1.296	1.350	13.230	13.604	30.776
	- Thu khác	Triệu đồng	130	126	126	130	130	642
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100	110	130	140	150	630
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	180	192	195	788	806	2.161
5	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	7.370	37.350	41.750	21.700	21.950	130.120
6	Số lao động	Người	214	212	213	226	228	218
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	5,5	5,7	5,9	6,1	6,3	5,9

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi; nạo vét kênh mương; nâng cấp, cải tạo trạm bơm điện.

- Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác giai đoạn 2016-2020 cho các công trình dự án với tổng kinh phí dự kiến 130,12 tỷ đồng, gồm:

+ Nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi: 48,62 tỷ đồng

+ Công trình nâng cấp, cải tạo 99 trạm bơm điện: 53,5 tỷ đồng.

+ Các dự án thực hiện theo Nghị quyết 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố: 8 tỷ đồng.

+ Dự án xây dựng kè hộ bờ và nạo vét kênh Ba Đồng: 20 tỷ đồng.

Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 như sau:

STT	Tên dự án	Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)			Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng)					Nguồn
			Tổng mức đầu tư	Đã bỏ trí vốn	Chưa bỏ trí vốn	2016	2017	2018	2019	2020	
I	Kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi		48,62	-	48,62	7,37	10,65	10,15	10,1	10,35	Thủy lợi phí và nước thô
II	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm điện (99 trạm bơm)	Nghị quyết 12/2009/NQ-HĐND	53,5	-	53,5	-	18,7	11,6	11,6	11,6	Ngân sách địa phương

STT	Tên dự án	Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)			Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng)					Nguồn
			Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn	Chưa bố trí vốn	2016	2017	2018	2019	2020	
III	Các dự án thực hiện theo Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND thành phố kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng		8	-	8		8				Ngân sách địa phương
1	Nạo vét Kênh An Ninh I		1,5				1,5				
2	Nạo vét Kênh An Ninh II		1,5				1,5				
3	Nạo vét Kênh Chống Mỹ		2,5				2,5				
4	Nạo vét Kênh Hòa Bình		2,5				2,5				
IV	Xây dựng kè hộ bờ và nạo vét kênh Ba Đồng (đoạn KC2 từ cầu Ủy ban nhân dân xã Tân Liên đến trạm bơm Xi Phông)		20	-	20			20			Ngân sách địa phương
	Tổng cộng		130,12		130,12	7,37	37,35	41,75	21,7	21,95	

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch

3.1. Giải pháp về tài chính

3.1.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích

- Thúc đẩy tăng doanh thu bằng việc ổn định nguồn ngân sách cấp cho công tác miễn thu thủy lợi phí, tăng nguồn thu từ nước thô cung cấp cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni trên địa bàn huyện đã sử dụng nguồn nước của Công ty để sản xuất nước sạch nhưng chưa trả tiền.

- Thực hiện ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý diện tích theo từng vụ; ký kết hợp đồng cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni, tiến hành thu đủ tiền cung cấp nước thô để đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức, nhất là định mức tiền điện của các trạm bơm tưới, từ đó gắn với trách nhiệm của công nhân vận hành và cụm sản xuất, xây dựng cơ chế thưởng, phạt gắn với trách nhiệm quản lý công trình.

3.1.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm công việc mà Công ty có lợi thế như tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi nhằm tăng doanh thu theo kế hoạch đã đề ra.

3.2. Giải pháp về sản xuất

Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

Thực hiện đào tạo và đào tạo lại thường xuyên đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý và mở rộng sản xuất kinh doanh.

3.4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Thực hiện cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới để quản lý vận hành công trình, nghiên cứu cải tiến để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành thủ công.

3.5. Giải pháp về quản lý và điều hành

Tăng cường công tác quản lý điều hành Công ty, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới, tiêu phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế của huyện Vĩnh Bảo.

Tiến hành làm việc với các nhà máy nước mi ni trên địa bàn toàn huyện để ký kết hợp đồng cung cấp nước thô theo quy định của Nhà nước, thu đúng, thu đủ tiền cung cấp nước thô đối với các đơn vị này nhằm đảm bảo nguồn thu cũng như khả năng chi trả các khoản chi liên quan đến hoạt động này.

3.5.1. Giải pháp về bảo vệ công trình thủy lợi

- Xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, lập biên bản, đồng thời báo cáo và đề nghị chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các cấp chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

3.5.2. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng tiến tới việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện tiếp nhận công trình thủy lợi theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Trên cơ sở nội dung kế hoạch đã được phê duyệt sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 nêu trên, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo có trách nhiệm sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 theo quy định.

- Trên cơ sở tình hình thực hiện hàng năm, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo định hướng kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt.

- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Kế hoạch này có thể được điều chỉnh cho phù hợp sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: TL, DN, TC, NN;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng
Email: vpuwnd@haiphong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 03-02-2017 11:13:11
+07:00



Nguyễn Văn Tùng

